

- 3 nhân với mấy thì bằng 12?
- Vậy chúng ta điền 4 vào chỗ trống.
- Nhận xét bài làm học sinh.

Bài 4: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp

Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành bài tập

- Yêu cầu học sinh lên bảng chia sẻ kết quả.

- Tổ chức cho học sinh nhận xét bài bạn trên bảng.
- Giáo viên nhận xét chung.

🔴 Bài tập chờ:

Bài tập 3 (M3): Yêu cầu học sinh tự làm bài rồi báo cáo kết quả với giáo viên.

Bài tập 5 (M4):

- GV phỏng vấn học sinh
- + Bài tập yêu cầu điều gì?
- + Yêu cầu học sinh đọc dãy số thứ nhất.
- + Dãy số này có đặc điểm gì? (Các số đứng liền nhau trong dãy số này hơn kém nhau mấy đơn vị?)
- + Vậy viết số nào vào sau số 9? Vì sao?
- Yêu cầu học sinh tự làm bài và báo cáo kết quả với giáo viên.

- 3 nhân với 4.

- Học sinh đọc.

$$3 \times 4 = 12 \quad 3 \times 8 = 24$$

$$3 \times 1 = 3 \quad 3 \times 10 = 30$$

$$3 \times 2 = 6 \quad 3 \times 6 = 18$$

- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.

- Kiểm tra chéo trong cặp.

- Dự kiến ND học sinh chia sẻ:

Giải:

Số ki-lô-gam gạo đựng trong 8 túi là:

$$3 \times 8 = 24 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 24 kg gạo

- Học sinh nhận xét, bổ sung.

- Học sinh nghe.

- Học sinh tự làm bài sau đó báo cáo kết quả với giáo viên:

Giải:

5 can đựng được số lít dầu là:

$$3 \times 5 = 15 \text{ (l)}$$

Đáp số: 15l

- + Bài tập yêu cầu chúng ta viết tiếp số vào dãy số.

- + Đọc: ba, sáu, chín,...

- + Các số đứng liền nhau hơn kém nhau 3 đơn vị.

- + Điền số 12 vì $9 + 3 = 12$

- Học sinh tự làm bài rồi báo cáo kết quả với giáo viên.

3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2 phút)

- Giáo viên nhắc lại nội dung tiết học.

-T/C: Gọi thuyền

+Nội dung đọc thuộc một số phép tính của bảng nhân 3

- Giáo viên nhận xét tiết học, tuyên dương học sinh tích cực

.HĐ sáng tạo: (1 phút)- Giải bài toán sau: Mỗi đĩa có 3 quả cam. Hỏi 9 đĩa như thế có tất cả bao nhiêu quả cam?

- Giáo viên nhận xét tiết học.

- Dặn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Học thuộc bảng nhân 2, 3. Xem trước bài: **Bảng nhân 4.**

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI:

AN TOÀN KHI ĐI CÁC PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

(Chương trình hiện hành)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nhận biết một số tình huống nguy hiểm có thể xảy ra khi đi các phương tiện giao thông.
- Biết đưa ra lời khuyên cho một số tình huống có thể xảy ra tai nạn giao thông khi đi xe máy, ô tô, thuyền bè, tàu hỏa.

2. **Kỹ năng:** Rèn cho học sinh kỹ năng giải quyết vấn đề, xử lý tình huống.

3. **Thái độ:** Thực hiện đúng các quy định khi đi các phương tiện giao thông.

4. **Năng lực:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự học, NL giao tiếp – hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL tư duy logic, NL quan sát,...

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Hình vẽ trong sách giáo khoa trang 42, 43. Chuẩn bị 1 số tình huống cụ thể xảy ra khi đi các phương tiện giao thông ở địa phương mình.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, kỹ thuật khăn trải bàn, động não
- Hình thức dạy học cả lớp, theo nhóm, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (5 phút) - GV kết hợp cùng TBHT tổ chức T/C: “ <i>Hộp quà bí mật</i> ” Ví dụ: + Biển báo nào có màu xanh? + Loại biển báo nào thường có màu đỏ? + Em phải lưu ý điều gì khi gặp những biển báo này? - Cả lớp, giáo viên theo dõi nhận xét. - Bài trước chúng ta được học về gì? - Khi đi các phương tiện giao thông chúng ta cần lưu ý điểm gì? - Đó cũng chính là nội dung của bài học ngày hôm nay: “ <i>An toàn khi đi các phương tiện giao thông.</i> ” - Giáo viên ghi tựa bài lên bảng.	- Học sinh chủ động tham gia chơi. - Học sinh nhận xét. - Lắng nghe. - Về đường giao thông. - Đi cẩn thận để tránh xảy ra tai nạn. - Mở sách giáo khoa, 1 vài học sinh nhắc lại tên bài.
2. HĐ hình thành kiến thức mới: (25 phút) *Mục tiêu: - Nhận biết 1 số tình huống nguy hiểm có thể xảy ra khi đi các phương tiện giao	

thông.

- Biết 1 số điều cần lưu ý khi đi các phương tiện giao thông.

- Biết đưa ra lời khuyên cho một số tình huống có thể xảy ra tai nạn giao thông khi đi xe máy, ô tô, thuyền bè, tàu hỏa,...

- Học sinh thực hiện đúng các quy định khi đi các phương tiện giao thông.

***Cách tiến hành:**

Việc 1: Thảo luận tình huống

Mục tiêu: Nhận biết 1 số tình huống nguy hiểm có thể xảy ra khi đi các phương tiện giao thông.

Cách tiến hành: **Làm việc theo nhóm**

– Chia sẻ trước lớp

Bước 1: Giáo viên chia nhóm (3 nhóm)

Bước 2: Cho mỗi nhóm thảo luận 1 tình huống và trả lời theo câu hỏi:

+ Điều gì có thể xảy ra?

+ Đã có khi nào em có những hành động như trong tình huống đó không?

+ Em sẽ khuyên các bạn trong tình huống đó như thế nào?

Bước 3: Gọi đại diện các nhóm lên trình bày.

Kết luận: Để đảm bảo an toàn, khi ngồi sau xe đạp, xe máy phải bám chắc người ngồi phía trước. Không đi lại, nô đùa khi đi trên ô tô, tàu hỏa, thuyền, bè. Không bám ở cửa ra vào, không thò đầu, thò tay ra ngoài... khi tàu, xe đang chạy.

- Yêu cầu học sinh nhắc lại kết luận.

Việc 2: Quan sát tranh

Mục tiêu: Biết 1 số điều cần lưu ý khi đi các phương tiện giao thông.

Cách tiến hành: **Làm việc theo cặp –**

Chia sẻ trước lớp

Bước 1: Làm việc theo cặp

- Giáo viên treo tranh 4, 5, 6, 7

+ Ở hình 4, hành khách đang làm gì? Ở đâu? Họ đứng gần hay ra mép đường?

+ Ở hình 5, hành khách đang làm gì? Họ lên xe ô tô khi nào? Xe dừng hay xe chạy?

+ Ở hình 6, hành khách đang làm gì? Theo bạn, hành khách phải như thế nào khi ở trên xe ô tô?

- Các nhóm thảo luận -> thống nhất...

+...

+...

- Đại diện các nhóm lên trình bày.

- Các nhóm khác chia sẻ ý kiến nhận xét, bổ sung.

- Lắng nghe.

- Học sinh nhắc lại.

- Quan sát tranh. Trả lời câu hỏi với bạn
**Dự kiến ND chia sẻ:*

+ Đứng ở điểm đợi xe buýt. Xa mép đường.

+ Hành khách đang lên xe ô tô khi ô tô dừng hẳn.

+ Hành khách đang ngồi ngay ngắn trên xe. Khi ở trên xe ô tô không nên đi lại, nô đùa, không thò đầu, thò tay qua cửa

<p>+ Ở hình 7, hành khách đang làm gì?</p> <p>Bước 2: Làm việc cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh nêu 1 số điểm cần lưu ý khi đi xe buýt (hoặc xe khách)? <p>=> GV kết luận: Khi đi xe buýt (hoặc xe khách) chúng ta chờ xe ở bến và không đứng sát mép đường, đợi xe dừng hẳn mới lên, không đi lại, thò đầu, thò tay ra ngoài trong khi xe đang chạy, khi xe dừng hẳn mới xuống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh nhắc lại kết luận. <p>Việc 3: Vẽ tranh</p> <p>Mục tiêu: Giúp học sinh củng cố kiến thức bài 19, 20.</p> <p>Cách tiến hành: Làm việc cá nhân – Trao đổi cặp đôi – Chia sẻ trước lớp</p> <p>Bước 1: Học sinh vẽ 1 phương tiện giao thông.</p> <p>Bước 2: Hai học sinh ngồi cạnh nhau, cho nhau xem tranh và nói với nhau về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên phương tiện giao thông mà mình vẽ? - Phương tiện đó đi trên loại đường giao thông nào? - Những điều cần lưu ý khi đi phương tiện giao thông đó? <p>Bước 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 số học sinh trình bày trước lớp. - Giáo viên sửa chữa, bổ sung phần trình bày của học sinh. 	<p>số.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đang xuống xe. Xuống ở cửa bên phải. - Một số học sinh nêu một số điểm cần lưu ý khi đi xe buýt. - Học sinh lắng nghe. - Học sinh nhắc lại. - Học sinh vẽ tranh. - Học sinh trao đổi cặp đôi. - Học sinh trình bày trước lớp.
<p>4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết dạy, hỏi: Em hãy nêu những điều cần lưu ý khi đi phương tiện giao thông đó? - Giáo dục học sinh ý thức, hành động Nên và Không nên làm gì để phòng tránh tai nạn tai nạn giao thông đường bộ. 	
<p>5. HĐ sáng tạo: (2 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn học sinh biết và thực hiện nghiêm túc khi ngồi trên xe mô tô cần đội mũ bảo hiểm đồng thời thực hiện đúng các biển báo hiệu giao thông khi ra đường. - Giáo viên nhận xét tiết học. - Dẫn học sinh nhớ thực hiện đúng như điều đã học. - Dẫn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Xem trước bài: Cuộc sống xung quanh. 	

LUYỆN TỪ VÀ CÂU:

**TỪ NGỮ VỀ THỜI TIẾT. ĐẶT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI: KHI NÀO?
DẤU CHẤM, DẤU CHẤM THAN**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nhận biết được một số từ ngữ chỉ thời tiết 4 mùa (BT1)
- Biết dùng các cụm từ bao giờ, lúc nào, tháng mấy, mấy giờ thay cho cụm từ khi nào để hỏi về thời điểm (BT2); điền đúng dấu câu vào đoạn văn (BT3).

2. Kỹ năng: Giúp học sinh mở rộng vốn từ về thiên nhiên, rèn quy tắc đặt câu và các dấu câu.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích môn học, yêu thích các mùa trong năm và yêu thiên nhiên.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Ngôn ngữ; Văn học; Thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Bảng phụ viết sẵn bài tập 3. Bài tập 2 viết vào 2 tờ giấy, 2 bút màu.

- Học sinh: Phiếu học tập.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, thảo luận nhóm, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”

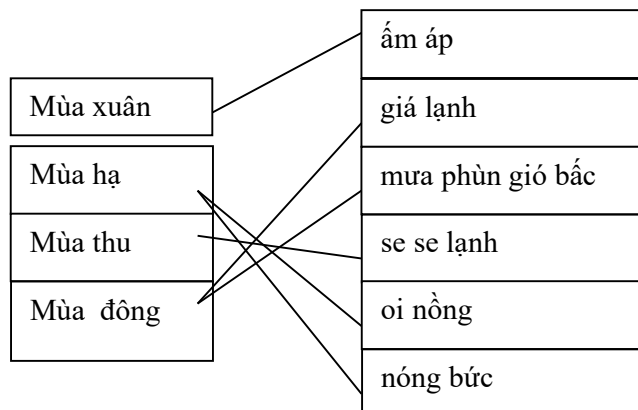
- Hình thức dạy học cả lớp, theo nhóm, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (3 phút)	
- TBHT điều hành trò chơi: Truyền điện: +Nội dung chơi: cho học sinh truyền điện đặt và trả lời câu hỏi Khi nào về các mùa trong năm. - Giáo viên tổng kết trò chơi, nhận xét, tuyên dương học sinh. - Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng: Từ ngữ về thời tiết. Đặt và trả lời câu hỏi: khi nào? Dấu chấm, dấu chấm than.	- Học sinh tham gia chơi. - Lắng nghe. - Học sinh mở sách giáo khoa và vở Bài tập
2. HĐ thực hành (27 phút)	
*Mục tiêu: - Nhận biết được một số từ ngữ chỉ thời tiết 4 mùa (BT1) - Biết dùng các cụm từ bao giờ, lúc nào, tháng mấy, mấy giờ thay cho cụm từ khi nào để hỏi về thời điểm (BT2); điền đúng dấu câu vào đoạn văn (BT3).	
*Cách tiến hành:	

Bài 1: Làm việc theo nhóm – Chia sẻ trước lớp

- Gọi 1 học sinh đọc yêu cầu.
- Phát giấy và bút cho 2 nhóm học sinh.
- Giáo viên sửa đề bài thành: Nói tên mùa với đặc điểm thích hợp.
- Gọi học sinh nhận xét và chữa bài
- Giáo viên chốt đáp án đúng:



- Nhận xét, tuyên dương từng nhóm.

Bài 2: Làm việc cặp đôi – Chia sẻ trước lớp

- TBHT điều hành HĐ chia sẻ
- + Mời các nhóm nối tiếp nêu kết quả làm bài.
- Hãy đọc to câu văn sau khi đã thay thế từ.

- Nhận xét bài làm học sinh.

Bài 3: TC Trò chơi Ai nhanh hơn

- Treo bảng phụ và cho 2 nhóm học sinh lên bảng làm.

- Gọi học sinh nhận xét và chữa bài.
- + Khi nào ta dùng dấu chấm?
- + Dấu chấm cảm được dùng ở cuối các câu văn nào?
- => GV kết luận cho học sinh hiểu về dấu chấm và dấu chấm cảm.

Lưu ý giúp đỡ để đối tượng MI hoàn thành bài tập

3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)

- Học sinh đọc yêu cầu.
- Học sinh lên bảng làm, học sinh dưới lớp làm vào phiếu học tập
- Học sinh chia sẻ bài làm
- Học sinh đọc

- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.
- Dự kiến nội dung học sinh chia sẻ:
 - b) bao giờ, lúc nào, tháng mấy.
 - c) bao giờ, lúc nào, (vào) tháng mấy.
 - d) bao giờ, lúc nào, tháng mấy.

- Học sinh tham gia chơi, dưới lớp cùng giáo viên làm ban giám khảo.
- Học sinh nhận xét.
- Đặt ở cuối câu kể.
- Ở cuối các câu văn biểu lộ thái độ, cảm xúc.

<ul style="list-style-type: none"> - Trò chơi: - Giáo viên nêu luật chơi: Khi giáo viên nói 1 câu thì các nhóm phải tìm ra sau câu đó dùng dấu gì. Nhóm nào có tín hiệu nói trước và nói đúng được tặng 2 cờ đỏ Nói sai bị trừ 1 cờ đỏ. VD: - Mùa xuân đẹp quá! <li style="padding-left: 20px;">- Hôm nay, tôi được đi chơi. - Tổng kết trò chơi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lắng nghe, ghi nhớ, chủ động tham gia chơi T.C - Dấu chấm cảm. - Dấu chấm. - Lắng nghe.
<p>4. HĐ sáng tạo (2 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết một đoạn văn khoảng 3– 5 nói về thời gian, thiên nhiên,... - Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết học. - Nhận xét tiết học. Tuyên dương những học sinh có tinh thần học tập tốt. - Nhắc nhở học sinh về nhà xem lại bài đã làm, chuẩn bị bài: <i>Từ ngữ về chim chóc.</i> 	

TẬP VIẾT:

CHỮ HOA Q

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Viết đúng chữ hoa **Q** (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng:

Quê (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), *Quê hương tươi đẹp* (3 lần)

2. Kỹ năng: Hiểu nội dung câu ứng dụng: *Quê hương tươi đẹp.*

3. Thái độ: Rèn tính cẩn thận, chính xác. Yêu thích luyện chữ đẹp.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Mẫu chữ (cỡ vừa), bảng phụ viết sẵn mẫu chữ, câu ứng dụng trên dòng kẻ (cỡ vừa và nhỏ)

- Học sinh: Vở Tập viết – Bảng con.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:


- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp.

- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>1. HĐ khởi động: (5 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - TBVN bắt nhịp cho lớp hát tập thể - GV cho HS viết: +Viết bảng con chữ: P + Viết câu: <i>Phong cảnh hấp dẫn</i> - Cho học sinh xem một số vở của những bạn viết đẹp giờ trước. Nhắc nhở lớp học tập các 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát bài: <i>Chữ đẹp, nét càng ngoan</i> - Viết bảng con. -Nhận xét - Học sinh quan sát và lắng nghe

bạn - Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng.	- Theo dõi
<p>2. HĐ nhận diện đặc điểm và cách viết: (10 phút) *Mục tiêu: Biết viết chữ hoa theo cỡ vừa và nhỏ, chữ trong câu ứng dụng trên bảng con. Hiểu nghĩa câu ứng dụng. *Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp</p>	
<p>Việc 1: Hướng dẫn quan sát, nhận xét: - Giáo viên treo chữ Q hoa (đặt trong khung)</p>  <p>- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát, nhận xét: + Chữ Q hoa cao mấy li? + Chữ hoa Q gồm mấy đường kẻ ngang? + Chữ hoa Q gồm mấy nét? Đó là những nét nào?</p> <p>Việc 2: Hướng dẫn viết: - Nhắc lại cấu tạo nét chữ: Gồm 2 nét: nét 1 giống nét 1 của chữ O, nét 2 là nét cong dưới có 2 đầu uốn ra ngoài không đều nhau. - Nêu cách viết chữ. - Giáo viên viết mẫu chữ Q cỡ vừa trên bảng lớp, hướng dẫn học sinh viết trên bảng con. - Giáo viên nhận xét uốn nắn cho học sinh cách viết các nét.</p> <p>Việc 3: Hướng dẫn viết câu ứng dụng - Giáo viên giới thiệu câu ứng dụng.</p> <p>- Gọi học sinh đọc câu ứng dụng. - Giúp học sinh hiểu nghĩa câu ứng dụng: <i>Quê hương tươi đẹp.</i> - Hướng dẫn học sinh quan sát nhận xét: + Các chữ Q, h, g cao mấy li? + Con chữ đ, p cao mấy li? + Con chữ t cao mấy li? + Những con chữ nào có độ cao bằng nhau và cao mấy li? + Đặt dấu thanh ở những chữ cái nào?</p> <p>+ Khoảng cách giữa các chữ như thế nào?</p> <p>- Giáo viên lưu ý học sinh cách nối con chữ Q với con chữ u. - Giáo viên viết mẫu chữ Q (cỡ vừa và nhỏ).</p>	<p>-HS quan sát chữ mẫu. +Học sinh chia sẻ cặp đôi -> Thống nhất trước lớp:</p> <p>+ Cao 5 li. + Gồm 6 đường kẻ ngang. + Có 2 nét.</p> <p>- Học sinh lắng nghe.</p> <p>- Lắng nghe. - Quan sát và thực hành.</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>- Quan sát.</p> <p>- Học sinh đọc câu ứng dụng. - Lắng nghe.</p> <p>-HS trao đổi nhóm 2 -> Dự kiến ND chia sẻ: + Cao 2 li rưỡi. + Cao 2 li. + Cao 1 li rưỡi. + Các chữ u, ê, u, o, n, i, e có độ cao bằng nhau và cao 1 li. + Dấu nặng đặt dưới con chữ e trong chữ đẹp. + Khoảng cách giữa các chữ rộng bằng khoảng 1 con chữ. - Học sinh nghe.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Luyện viết bảng con chữ Quê - Giáo viên theo dõi, uốn nắn. Lưu ý học sinh cách viết liền mạch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát. - Học sinh viết chữ Quê trên bảng con. - Lắng nghe và thực hiện.
<p>3. HĐ thực hành viết trong vở: (15 phút) *Mục tiêu: Học sinh trình bày đúng và đẹp nội dung trong vở tập viết. *Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp - cá nhân</p>	
<p>Việc 1: Hướng dẫn viết vào vở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nêu yêu cầu viết: + 1 dòng chữ Q cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ. + 1 dòng chữ Quê cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ. + 3 dòng câu ứng dụng cỡ nhỏ. - Nhắc nhở học sinh tư thế khi ngồi viết và các lưu ý cần thiết. - Giáo viên lưu ý học sinh quan sát các dấu chấm trên dòng kẻ của vở là điểm đặt bút. <p>Việc 2: Viết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu học sinh viết bài, từng dòng theo hiệu lệnh của giáo viên. - Theo dõi, giúp đỡ học sinh viết chậm. <p><i>Lưu ý theo dõi và giúp đỡ đối tượng MI</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, lắng nghe. - Lắng nghe và thực hiện. - Học sinh viết bài vào vở Tập viết theo hiệu lệnh của giáo viên.
<p>4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chấm một số bài. - HS nhắc lại quy trình viết chữ Q - Nhận xét, tuyên dương những học sinh viết tốt. - Trưng bày một số bài đẹp cho cả lớp lên tham khảo. - Yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học, những điểm cần ghi nhớ khi viết chữ Q 	
<p>5. Hoạt động sáng tạo: (2 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết chữ hoa “Q”, và câu “Quê hương tươi đẹp.” kiểu chữ sáng tạo. - Nhận xét tiết học. - Yêu cầu học sinh về hoàn thành nốt bài viết và tự luyện viết thêm cho đẹp 	

TOÁN:

TIẾT 98: BẢNG NHÂN 4

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Lập được bảng nhân 4
- Nhớ được bảng nhân 4
- Biết giải bài toán có một phép nhân (trong bảng nhân 4).
- Biết đếm thêm 4.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng tính và giải toán.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

*Bài tập cần làm: bài tập 1,2,3.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: 10 tấm bìa, mỗi tấm có gắn 4 chấm tròn hoặc 4 hình tam giác, 4 hình vuông,... Kẻ sẵn nội dung bài tập 3 lên bảng.
- Học sinh: sách giáo khoa.

1. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, kỹ thuật động não
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, kỹ thuật động não
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (3 phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - TBHT điều hành trò chơi: Đoán nhanh đáp số: Tính tổng và viết phép nhân tương ứng với mỗi tổng sau: $4 + 4 + 4 + 4$ $5 + 5 + 5 + 5$ - Giáo viên nhận xét chung, tuyên dương học sinh. - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: Bảng nhân 4. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chơi. - Lắng nghe. - Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.
2. HĐ hình thành kiến thức mới: (15 phút)	
<p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập được bảng nhân 4 - Nhớ được bảng nhân 4 <p>*Cách tiến hành: Làm việc cả lớp</p>	
<ul style="list-style-type: none"> +GV tổ chức cho HS trải nghiệm trên vật thật - Cho học sinh lấy 1 tấm bìa có 4 chấm tròn lên bàn. - Gắn 1 tấm bìa có 4 chấm tròn lên bảng và hỏi: Có mấy chấm tròn? - Bốn chấm tròn được lấy mấy lần? - Bốn được lấy mấy lần? - 4 được lấy 1 lần nên ta lập được phép nhân: $4 \times 1 = 4$. - Cho học sinh lấy tiếp 1 tấm bìa có 4 chấm tròn. - Hướng dẫn học sinh lập các phép tính còn lại 	<ul style="list-style-type: none"> +Hs thao tác trên vật thật - Học sinh lấy 1 tấm bìa có 4 chấm tròn lên bàn. - Quan sát hoạt động của giáo viên và trả lời có 4 chấm tròn. - Bốn chấm tròn được lấy 1 lần. - 4 được lấy 1 lần. - Học sinh đọc phép nhân: $4 \times 1 = 4$. - Học sinh lấy tiếp 1 tấm bìa có 4 chấm tròn. - Quan sát thao tác của giáo viên